

TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (GRDP)
Ước 6 tháng đầu năm 2017

	Theo giá hiện hành		Theo giá so sánh 2010	
	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	21,541,293	100.00	15,528,565	104.93
Chia theo ngành kinh tế				
A. Nông lâm nghiệp và thủy sản	6,478,201	30.07	4,343,882	95.21
B. Khai Khoáng	144,725	0.67	103,375	98.50
C. Công Nghiệp Chế Biến, Chế Tạo	4,978,893	23.11	3,643,090	112.00
D. Sản Xuất Và Phân Phối Điện, Khí Đốt, Nước Nóng, Hơi nước	391,426	1.82	355,842	105.00
E. Cung Cấp Nước; Hoạt Động Quản Lý Và Xử Lý Rác Thải	67,356	0.31	42,097	104.78
F. Xây Dựng	1,045,934	4.86	820,147	105.97
G. Bán Buôn Và Bán Lẻ; Sửa Chữa Ô Tô, Mô Tô, Xe Máy	2,519,354	11.70	1,858,128	116.63
H. Vận Tải Kho Bãi	382,739	1.78	295,390	100.77
I. Dịch Vụ Lưu Trú Và Ăn Uống	624,891	2.90	392,140	107.44
J. Thông Tin Và Truyền Thông	386,692	1.80	397,415	105.79
K. Hoạt Động Tài Chính, Ngân Hàng Và Bảo Hiểm	521,672	2.42	455,699	107.71
L. Hoạt Động Kinh Doanh Bất Động Sản	892,921	4.15	713,368	100.36
M. Hoạt Động Chuyên Môn, Khoa Học Và Công Nghệ	70,269	0.33	56,645	104.70
N. Hoạt Động Hành Chính Và Dịch Vụ Hỗ Trợ	120,198	0.55	89,749	106.25
O. Hoạt Động Của Đảng Cộng Sản, Tổ Chức Chính Trị XH	657,966	3.05	523,148	107.18
P. Giáo Dục Và Đào Tạo	818,600	3.80	500,826	105.69
Q. Y Tế Và Hoạt Động Trợ Giúp Xã Hội	313,330	1.45	144,894	107.01
R. Nghệ Thuật, Vui Chơi Và Giải Trí	137,897	0.64	111,522	106.84
S. Hoạt Động Dịch Vụ Khác	273,024	1.27	165,637	96.82
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	715,203	3.32	515,571	113.78